

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 13/10/2021

V/v: “Tranh chấp chia tài sản
chung, nợ chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NUỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Trang

Các Thẩm phán: Ông Hàng Lâm Viên và bà Ngô Thị Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải Thu – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 08/2021/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 55/2021/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Ngọc Tr, sinh năm 1980 (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1984 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn P, huyện N, Ninh Thuận

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Quốc Toàn – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Địa chỉ: Số 201, 203 đường Cách mạng tháng Tám, phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đạo Anh T – Trưởng phòng khách hàng cá nhân, Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á – Chi nhánh Ninh Thuận (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/02/2021), (có mặt).

Địa chỉ: Số 40 đường 16-4, phường Tấn Tài, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Người kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc Tr kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Huỳnh Ngọc Tr trình bày:

Ông với bà Nguyễn Thị Hồng Nh tự tìm hiểu, kết hôn với nhau vào năm 2006 và có đến UBND xã Phước Nam, huyện Thuận Nam làm thủ tục đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến ngày 23 tháng 3 năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do nghề nghiệp của ông thường phải đi sớm về muộn, nên bà Nguyễn Thị Hồng Nh nghi ngờ ông có người phụ nữ khác bên ngoài, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mặc dù ông đã khuyên nhủ nhưng bà Nh không nghe. Hiện tại ông với bà Nh đã sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay ông không còn tình cảm với bà Nguyễn Thị Hồng Nh, nên yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng Nh.

Về con chung: Ông với bà Nguyễn Thị Hồng Nh sống với nhau có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Ph, sinh ngày 25/6/2006 và Huỳnh Ngọc Th, sinh ngày 09/8/2011, hiện các con chung đang sống với bà Nguyễn Thị Hồng Nh. Nếu ly hôn ông đồng ý giao 02 con chung cho bà Nh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cháu Huỳnh Ngọc Ph hàng tháng 1.000.000^d, ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cháu Huỳnh Ngọc Th.

Về tài sản: Ông với bà Nguyễn Thị Hồng Nh sống với nhau có tạo lập được những tài sản gồm: 01 căn nhà cấp 4A, diện tích 88,2m², mái hiên trước diện tích 21m² trên thửa đất 828, tờ bản đồ số 19d, tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn Phước Dân (trong đó đất ODT là 40m² và nông nghiệp khác là 43m²). Xe máy hiệu Vison biển số 85F1-116.54; Xe máy hiệu SH Mode biển số 85D-213.79; Ti vi Sony 49 inch; Quạt gió hiệu Icool; Máy lạnh 1HP; Tủ lạnh hiệu Sharp 626L; Máy giặt hiệu Toshiba 9kg; Tủ gỗ 04 cánh; Dàn âm ly PS1800;. Tổng giá trị tài sản khoảng 1.334.000.000^d (Một tỷ ba trăm ba mươi bốn triệu đồng).

Ông thống nhất rút lại không yêu cầu giải quyết đối với tài sản là chiếc xe máy hiệu Vison biển số 85F1-116.54. Còn lại các tài sản khác ông yêu cầu giải quyết chia, ông đồng ý giao toàn bộ tài sản cho bà Nh và yêu cầu bà Nh phải trả lại giá trị tiền chênh lệch cho ông là 250.000.000^d. Ông yêu cầu nhận chiếc xe máy hiệu SH Mode biển số 85D-213.79 để làm phương tiện đi lại, vì ông cũng đang quản lý chiếc xe trên. Tại phiên tòa ông thay đổi yêu cầu nhận toàn bộ tài sản và đồng ý trả lại tiền chênh lệch cho bà Nguyễn Thị Hồng Nh.

Về nợ chung: Ông với bà Nguyễn Thị Hồng Nh có vay Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á – Chi nhánh Ninh Thuận số tiền 326.078.810^d (trong đó nợ gốc là 280.000.000^d, nợ lãi tính đến ngày 05/5/2021 là 46.078.810^d); mục đích là để bổ sung vốn kinh doanh may mặc và có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng để bảo đảm. Ông yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng Nh có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng, vì tài sản chung ông đã giao hết cho bà Nh.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Nh trình bày:

Về hôn nhân: Bà với ông Huỳnh Ngọc Tr tự tìm hiểu, kết hôn với nhau vào năm 2006 và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Nam, huyện Thuận Nam. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến ngày 23 tháng 3 năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Tr thường đi sớm về khuya, có mối quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng sống lạnh nhạt, không tin tưởng nhau về tình cảm và vật chất. Hiện tại bà với ông Tr đã sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay ông Huỳnh Ngọc Tr có yêu cầu ly hôn với bà, thì bà đồng ý ly hôn với ông Huỳnh Ngọc Tr.

Về con chung: Bà với ông Huỳnh Ngọc Tr sống với nhau có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Ph, sinh ngày 25/6/2006 và Huỳnh Ngọc Th, sinh ngày 09/8/2011, hiện các con chung đang sống với bà. Nếu ly hôn bà yêu cầu được nuôi các con chung và yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000^d/tháng/02 con chung (Tức mỗi con chung là 1.000.000^d/tháng).

Về tài sản: Bà với ông Huỳnh Ngọc Tr sống với nhau có tạo lập được những tài sản như ông Huỳnh Ngọc Tr trình bày. Bà yêu cầu nhận nhà đất và các tài sản vật dụng trong gia đình để có chỗ ở nuôi các con sinh sống, sinh hoạt và bà đồng ý hoàn trả lại giá trị chênh lệch cho ông Trí theo giá mà do Hội đồng định giá đưa ra. Bà đồng ý để ông Tr nhận tài sản là xe máy hiệu SH Mode biển số 85D-213.79. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hồng Nh yêu cầu được nhận luôn xe máy hiệu SH Mode biển số 85D-213.79, bà đồng ý trả lại tiền chênh lệch cho ông Huỳnh Ngọc Tr.

Về nợ chung: Bà với ông Huỳnh Ngọc Tr có vay Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á – Chi nhánh Ninh Thuận số tiền 326.078.810đ (trong đó nợ gốc là 280.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 05/5/2021 là 46.078.810đ) và có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng để bảo đảm khoản vay. Nay bà yêu cầu chia đôi số nợ trên cho bà với ông Huỳnh Ngọc Tr mỗi người trả một nửa.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á trình bày:

Vào năm 2019 vợ, chồng ông Huỳnh Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Hồng Nh có ký hợp đồng số 1668/2019/414-CV để vay số tiền 300.000.000^d, với lãi suất 18.68%/năm, mục đích là bổ sung vốn kinh doanh may mặc và có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04850 để bảo đảm khoản vay. Hiện tại ông Tr và bà Nh còn nợ số tiền tạm tính đến ngày 05-5-2021 tổng cộng là 326.078.810đ (trong đó nợ gốc là 280.000.000^d, nợ lãi trong hạn 2.865.205^d, lãi quá hạn gốc là 42.978082^d và lãi phạt là 235.523^d). Ngân hàng yêu cầu ông Tr và Nh cùng có trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng.

Tại bản án sơ thẩm số 55/2021/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, điểm a, c khoản 1 điều 39, điều 92, khoản 2, 4 điều 147 và khoản 2 điều 165, khoản 2 điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 33, 37, 51, 56, 59, 60, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điều 116, 117, 118, khoản 2 điều 129, 357, 401, 463, 466, 468 và điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Ngọc Tr. Ông Huỳnh Ngọc Tr được ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng Nh.

2. Về con chung:

Giao các con chung tên Huỳnh Ngọc Ph, sinh ngày 25/6/2006 và Huỳnh Ngọc Th, sinh ngày 09/8/2011 cho bà Nguyễn Thị Hồng Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Huỳnh Ngọc Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000^d/02 con chung (mỗi con chung 1.000.000^d/tháng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

- Giao bà Nguyễn Thị Hồng Nh được quyền quản lý và sử dụng thửa đất 828, tờ bản đồ số 19d, tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn Phước Dân (trong đó đất ODT là 40m² và nông nghiệp khác là 43m²), cùng với các tài sản: 01 căn nhà cấp 4A, diện tích 88,2m², kết cấu mái lợp tôn: đóng trần, nền lát gạch ceramic, tường xây gạch sơn nước, cửa đi, cửa sổ gỗ, nhà vệ sinh, điện nước đầy đủ, tỷ lệ còn lại 75%; Mái hiên trước diện tích 21m², kết cấu: Mái tôn, cột kèo sắt, tỷ lệ còn lại 75%; Ti vi Sony 49 inch, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 40%; Quạt gió hiệu Icool, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 30%; Máy lạnh 1HP, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 50%; Tủ lạnh hiệu Sharp 626L, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 30%; Máy giặt hiệu Toshiba 9kg, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 50%; Tủ gỗ 04 cánh, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 50%; Dàn âm ly PS1800, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 50%.

- Buộc ông Huỳnh Ngọc Tr phải có trách nhiệm giao cho bà Nguyễn Thị Hồng Nh thửa đất 828, tờ bản đồ số 19d, tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn Phước Dân (trong đó đất ODT là 40m² và nông nghiệp khác là 43m²), cùng với các tài sản: 01 căn nhà cấp 4A, diện tích 88,2m², kết cấu mái lợp tôn: đóng trần, nền lát gạch ceramic, tường xây gạch sơn nước, cửa đi, cửa sổ gỗ, nhà vệ sinh, điện nước đầy đủ, tỷ lệ còn lại 75%; Mái hiên trước diện tích 21m², kết cấu: Mái tôn, cột kèo sắt, tỷ lệ còn lại 75%; Ti vi Sony 49 inch, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 40%; Quạt gió hiệu Icool, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 30%; Máy lạnh 1HP, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 50%; Tủ lạnh hiệu Sharp 626L, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 30%; Máy giặt hiệu Toshiba 9kg, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 50%; Tủ gỗ 04 cánh, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 50%; Dàn âm ly PS1800, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 50%, để bà Nguyễn Thị Hồng Nh quản lý và sử dụng.

- Bà Nguyễn Thị Hồng Nh có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 828, tờ bản đồ số 19d, tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn Phước Dân (trong đó đất ODT là 40m² và nông nghiệp khác là 43m²) mang tên bà Nguyễn Thị Hồng Nh.

- Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Nh phải có trách nhiệm thanh toán ½ giá trị tiền chênh lệch đối với các tài sản tranh chấp gồm thửa đất 828, tờ bản đồ số 19d, tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn Phước Dân (trong đó đất ODT là 40m² có giá 22.800.000^d và đất nông nghiệp khác là 43m² có giá 3.870.000^d) có giá 26.670.000^d; 01 căn nhà cấp 4A, diện tích 88,2m², kết cấu mái lợp tôn: đóng trần, nền lát gạch ceramic, tường xây gạch sơn nước, cửa đi, cửa sổ gỗ, nhà vệ sinh, điện nước đầy đủ, tỷ lệ còn lại 75% có giá 191.835.000^d; Mái hiên trước: Diện tích 21m², kết cấu: Mái tôn, cột kèo sắt, tỷ lệ còn lại 75% có giá 11.670.750^d; Ti vi

Sony 49 inch, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 40% có giá 4.032.000^d; Quạt gió hiệu Icool, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 30% có giá 675.000^d; Máy lạnh 1HP, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 50% có giá 4.845.000^d; Tủ lạnh hiệu Sharp 626L, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 30% có giá 4.800.000^d; Máy giặt hiệu Toshiba 9kg, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 50% có giá 2.770.000^d; Tủ gỗ 04 cánh, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 50% có giá 5.250.000^d; Dàn âm ly PS1800, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 50% có giá 1.650.000^d cho ông Huỳnh Ngọc Tr số tiền là 127.099.000^d.

- Ông Huỳnh Ngọc Tr có quyền quản lý và sử dụng xe máy hiệu SH MODE biển số 85D1-213.79, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 50% có giá 31.000.000^d.

- Buộc ông Huỳnh Ngọc Tr có trách nhiệm thanh toán ½ giá trị tiền chênh lệnh đối với xe máy hiệu SH MODE biển số 85D1-213.79, đã qua sử dụng, tỷ lệ còn lại 50% có giá 31.000.000^d cho bà Nguyễn Thị Hồng Nh số tiền là 15.500.000^d.

- Ông Huỳnh Ngọc Tr có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên ông Huỳnh Ngọc Tr.

- Đình chỉ một phần khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Hồng Nh đối với xe mô tô hiệu Vison biển số 85F1-116.54. Ông Huỳnh Ngọc Tr và bà Nguyễn Thị Hồng Nh có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại xe mô tô hiệu Vison biển số 85F1-116.54.

4. Về nợ chung:

- Buộc ông Huỳnh Ngọc Tr phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á – chi nhánh Ninh Thuận số tiền 163.039.405^d (trong đó tiền gốc là 140.000.000^d; tiền lãi là 23.039.405^d).

Ông Huỳnh Ngọc Tr phải tiếp tục thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 05/05/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng số 1668/2019/414-CV, ký ngày 09/7/2019.

- Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Nh phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á – chi nhánh Ninh Thuận số tiền 163.039.405^d (trong đó tiền gốc là 140.000.000^d; tiền lãi là 23.039.405^d).

Bà Nguyễn Thị Hồng Nh phải tiếp tục thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 05/05/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng số 1668/2019/414-CV, ký ngày 09/7/2019.

- Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á – chi nhánh Ninh Thuận phải có trách nhiệm giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 597409 do Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước cấp cho ông Huỳnh Ngọc Tr, bà Nguyễn Thị

Hồng Nh vào ngày 15/10/2015 sau khi bà Nguyễn Thị Hồng Nh hoàn thành trách nhiệm của riêng bà Nguyễn Thị Hồng Nh, để bà Nguyễn Thị Hồng Nh đi thực hiện quyền đăng ký lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị Hồng Nh.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí định giá tài sản, lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền, nghĩa vụ của các bên thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/5/2021, nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc Tr kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 55/2021/HNGĐ-ST ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Nội dung kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giá trị căn nhà cùng diện tích đất 83m² thửa đất 828, tờ bản đồ số 19d thị trấn Phước Dân, vì giá trị căn nhà và giá trị thửa đất áp dụng quá thấp so với thực tế.

Ngày 27/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận kháng nghị một phần bản án sơ thẩm số 55/2021/HNGĐ-ST ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Nội dung kháng nghị: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án theo hướng sửa một phần bản án, với nhận định: ông Tr bà Nh trong thời kỳ hôn nhân có vay Ngân hàng, tuy nhiên đến thời điểm xét xử ông Tr, bà Nh chưa tất toán khoản nợ này cho Ngân hàng nhưng Tòa án lại buộc Ngân hàng phải có trách nhiệm giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi bà Nhung hoàn thành trách nhiệm riêng của bà để bà Nh đi thực hiện quyền đăng ký lại giấy chứng nhận mang tên bà Nh là trái quy định tại khoản 7 điều 323 Bộ luật Dân sự 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; không rút hay thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận không rút, thay đổi nội dung kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự tại phiên tòa; kết quả định giá thay đổi và cấp sơ thẩm không tính đến công sức đóng góp của vợ chồng đối với tài sản chung, việc tuyên giao tài sản thế chấp cho bà Nh sau khi bà Nh thanh toán khoản nợ riêng của bà là không đúng quy định tại khoản 7 điều 323 Bộ luật Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; chấp nhận một phần nội

dung kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc Tr, chấp nhận nội dung kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm số 55/2021/HNGĐ-ST ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc Tr nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận thực hiện trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu của các đương sự. Tòa án sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết đầy đủ các mối quan hệ pháp luật tranh chấp đúng thẩm quyền, thủ tục theo quy định khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc Tr có nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giá trị căn nhà cùng diện tích đất 83m² thửa đất 828, tờ bản đồ số 19d thị trấn Phước Dân, nhận thấy:

Trong thời kỳ hôn nhân bà Nh và ông Tr cùng nhau tạo lập phát triển khối tài sản chung và không xác định được quyền sở hữu tài sản của mỗi người trong khối tài sản chung. Theo biên bản định giá ngày 25/8/2021(có sự thống nhất ý kiến của các bên) xác định: căn nhà cấp 3B diện tích 60,69m² trị giá 196.817.670^d, nhà cấp 4A diện tích 31,9m² trị giá 69.382.500^d, mái hiên, sân mái hiên diện tích 21,1m² trị giá 14.527.350^d; quyền sử dụng diện tích 83m² trị giá 286.000.000^d. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận diện tích 83m² thuộc thửa đất số 828, tờ bản đồ số 19d theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 597409 do Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước cấp cho ông Huỳnh Ngọc Tr, bà Nguyễn Thị Hồng Nh vào ngày 15/10/2015 có nguồn gốc được cha mẹ bà Nh là ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị Kim A tặng cho vợ chồng theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 01/9/2015.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất diện tích 83m² là tài sản chung của vợ chồng ông Tr có trong thời kỳ hôn nhân là có căn cứ phù hợp pháp luật. Tuy nhiên, khi phân chia chưa xem xét đến công sức đóng góp của bà Nhnhiều hơn vì quyền sử dụng đất thửa 828 tờ bản đồ 19 có nguồn gốc từ cha mẹ bà Nh cho, do đó cần xác định phân chia theo tỷ lệ ông Tr được hưởng 40% giá trị quyền sử dụng đất trị giá 114.400.000^d, bà Nh được hưởng 60% giá trị quyền sử

dụng đất trị giá 171.600.000^d. Đối với căn nhà có kết cấu 2 tầng được quy định là nhà cấp 3B tuy nhiên cấp sơ thẩm định giá xác định nhà cấp 4A là không đảm bảo quyền lợi cho đương sự nhận giá trị bằng tiền.

Như vậy cấp sơ thẩm đã xác định chưa đúng giá trị về quyền sử dụng đất và kết cấu căn nhà cũng như công sức đóng góp khi phân chia tài sản chung theo quy định tại điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Do đó có cơ sở để chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc Tr.

Căn nhà gắn liền vật kiến trúc trên thửa đất 828, tờ bản đồ 19 là công trình xây dựng kết cấu kiên cố, không thể chia đôi, bà Nh là phụ nữ và đang trực tiếp nuôi 02 con khi ly hôn và hiện tại là người đang quản lý, sử dụng nhà đất. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ các tình tiết của vụ án giao cho bà Nh được quyền sở hữu căn nhà và các công trình phụ gắn liền, được nhận phần tài sản khác trị giá 24.022.000^d gồm: Ti vi Sony 49 inch trị giá 4.032.000^d, quạt gió hiệu Icool trị giá 675.000^d, máy lạnh 1HP trị giá 4.845.000^d, tủ lạnh hiệu Sharp 626L trị giá 4.800.000^d, máy giặt hiệu Toshiba 9kg trị giá 2.770.000^d, tủ gỗ 04 cánh trị giá 5.250.000^d, dàn âm ly PS1800 trị giá 1.650.000^d; ông Tr được nhận 01 xe máy hiệu SH MODE biển số 85D1-213.79 trị giá 31.000.000^d. Bà Nh có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Tr ½ giá trị các tài sản này là phù hợp.

Tổng giá trị tài sản chung 621.749.520^d sau khi trừ đi nghĩa vụ trả khoản nợ chung 326.078.810^d còn lại 295.670.710^d, chia cho ông Tr 119.235.355^d, chia cho bà Nh 176.435.355^d. Cấn trừ đi phần tài sản ông Tr được nhận, bà Nh còn phải hoàn trả cho ông Tr số tiền 88.235.000^d (làm tròn số).

[2.2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 83m² thuộc thửa đất số 828, tờ bản đồ số 19d theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 597409 do Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước cấp cho ông Huỳnh Ngọc Tr, bà Nguyễn Thị Hồng Nh vào ngày 15/10/2015 đang được thế chấp đảm bảo khoản nợ vay chung của vợ chồng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á – Chi nhánh Ninh Thuận với số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 05/5/2021 là 326.078.810^d (trong đó nợ tiền gốc 280.000.000^d, nợ lãi 46.078.810^d). Cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Huỳnh Ngọc Tr, bà Nguyễn Thị Hồng Nh mỗi người phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á – chi nhánh Ninh Thuận số tiền 163.039.405^d (trong đó tiền gốc là 140.000.000^d; tiền lãi là 23.039.405^d) và buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á – chi nhánh Ninh Thuận phải có trách nhiệm giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi bà Nguyễn Thị Hồng Nh hoàn thành trách nhiệm của riêng bà

là không đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng khi một bên thực hiện xong phần nghĩa vụ của mình nhưng bên kia chưa thực hiện xong nghĩa vụ và không có tài sản đảm bảo, không phù hợp với thực tế sử dụng tài sản của các bên và quy định của pháp luật về tài sản thế chấp tại điều 323 Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa đương sự đều thống nhất giao nghĩa vụ trả nợ vay Ngân hàng cho người nhận tài sản là nhà, đất nên chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận giao toàn bộ nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng cho bà Nh, tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản nợ vay tiếp tục được duy trì theo hợp đồng thế chấp số 1021/2018/414 – BĐ ngày 11/7/2018 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/SĐ – 1021/2018/414 – BĐ ngày 09/7/2019 cho đến khi bà Nhung thực hiện xong nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng số 1668/2019/414 – CV ngày 09/7/2019.

Từ những phân tích nhận định như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc Tr; Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 55/2021/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

Chi phí tại giai đoạn sơ thẩm số tiền 2.200.000^d; giai đoạn phúc thẩm 3.800.000^d, tổng cộng 6.000.000^d đã chi phí xong. Ông Tr, bà Nh mỗi người phải chịu ½. Ông Tr đã nộp tạm ứng toàn bộ, vì vậy bà Nh phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Tr số tiền 3.000.000^d.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm về chia phần tài sản chung nên tiền án phí dân sự sơ thẩm được sửa lại cho phù hợp. Ông Huỳnh Ngọc Tr, và bà Nguyễn Thị Hồng Nh mỗi người phải chịu 8.152.000^d (làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền thực hiện nghĩa vụ trả nợ, [Cách tính $(326.078.810^d : 2) \times 5\% = 8.151.970^d$]. Đồng thời Bà Nh phải chịu 8.822.000^d, ông Tr còn phải chịu 5.962.000^d án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia .

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Tr 300.000^d tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Những nội dung khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ: khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, điều 147, điều 148, điều 157, điều 165, điều 293 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Các điều 33, điều 37, điều 59, điều 62 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 323, điều 357, điều 463, khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điều 27, điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc Tr.

Sửa bản án sơ thẩm số 55/2021/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Cụ thể như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung, nợ chung của ông Huỳnh Ngọc Trí.

1. Chia cho bà Nguyễn Thị Hồng Nh được quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 3B + 4A diện tích xây dựng 92,59m² cùng các công trình phụ: mái hiên, sân mái hiên diện tích 21,1m² gắn liền quyền sử dụng diện tích đất 83 m² thuộc thửa đất số 828, tờ bản đồ số 19d theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 597409 do Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước cấp cho ông Huỳnh Ngọc Tr, bà Nguyễn Thị Hồng Nh vào ngày 15/10/2015. Đồng thời được quyền sở hữu Ti vi Sony 49 inch; Quạt gió hiệu Icool; Máy lạnh 1HP; Tủ lạnh hiệu Sharp 626L; Máy giặt hiệu Toshiba 9kg; Tủ gỗ 04 cánh trị giá; Dàn âm ly PS1800. Phần tài sản được nhận có giá trị 590.749.520^d (*Năm trăm chín mươi triệu bảy trăm bốn mươi chín ngàn năm trăm hai mươi đồng*).

Chia cho ông Huỳnh Ngọc Tr quyền sở hữu 01 xe máy hiệu SH MODE biển số 85D1-213.79 trị giá 31.000.000^d (*Ba mươi một triệu đồng*).

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nh có nghĩa vụ thanh toán cho ông Huỳnh Ngọc Tr số tiền 88.235.000^d (*Tám mươi tám triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn đồng*) chênh lệch chia tài sản chung sau khi đã căn trừ nghĩa vụ trả nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng Nh có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á số tiền 326.078.810^d (*Ba trăm hai mươi sáu triệu không trăm bảy mươi tám ngàn tám trăm mười đồng*), (trong đó nợ gốc 280.000.000^d, nợ lãi tính đến ngày 05/5/2021 là 46.078.810^d).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị Hồng Nh phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 06/5/2021 theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1668/2019/414 – CV ngày 09/7/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số 1021/2018/414 – BĐ ngày 11/7/2018 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/SĐ – 1021/2018/414 – BĐ ngày 09/7/2019 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Hồng Nh, ông Huỳnh Ngọc Tr với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á – chi nhánh Ninh Thuận đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 83 m² thuộc thửa đất số 828, tờ bản đồ số 19d theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 597409 do Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước cấp cho ông Huỳnh Ngọc Tr, bà Nguyễn Thị Hồng Nh để đảm bảo cho việc thi hành án. Trường hợp bà Nh không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp được xử lý theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng Nh có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Huỳnh Ngọc Tr số tiền 3.000.000^d (*Ba triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định, định giá.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Ngọc Tr phải chịu 14.114.000^d (*Mười bốn triệu một trăm mười bốn ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 26.000.000^d (*Hai mươi sáu triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0022592 ngày 05/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước, hoàn lại cho ông Trí số tiền chênh lệch 11.886.000^d (*Mười một triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn đồng*).

Bà Nguyễn Thị Hồng Nh phải chịu phải chịu 16.974.000^d (*Mười sáu triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Ngọc Tr không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Tr 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án

phí đã nộp theo biên lai thu số 0025597 ngày 14/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Phước.

Những nội dung khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 13/10/2021).

Nơi nhận:

- Đương sự (11);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện Ninh Phước (1);
- Chi cục THADS huyện Ninh Phước(1)
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Trang

